TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đèo Văn Vĩnh

2. Ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyên -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Đặng Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phàn Láo T, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Bản N, xã K, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Bị đơn: Chị Lý Lở M, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Bản N, xã K, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn anh Phàn Láo T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Lở M về chung sống với nhau từ năm 2020, đến ngày 28/4/2021 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P cũ nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa anh và chị M hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng

chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị M thường xuyên đi làm ăn xa nhưng không đóng góp kinh tế gia đình và không quan tâm đến anh. Anh cùng không còn tình cảm yêu thương chị M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

2. Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Phàn Ánh P, sinh ngày 01/12/2020 và Phàn Đức T1, sinh ngày 05/11/2023. Hiện nay các con chung đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, chị Tẩn Lở M1 mặc dù biết anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; ; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phàn Láo T: về quan hệ hôn nhân cho Anh T được ly hôn với chị M1; về con chung: giao 02 con chung Phàn Ánh P, sinh ngày 01/12/2020 và Phàn Đức T1, sinh ngày 05/11/2023 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị M1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; nguyên đơn được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tẩn Lở M1 có nơi cư trú tại bản N, xã K, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ -HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu. Chị M1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 12/02/2026, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàn Láo T và chị Lý Lở M đăng ký kết hôn ngày 28/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nay là xã K, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa anh T và chị M hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M là hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị M hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu

thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cho tình cảm giữa hai vợ chồng không còn. Chị M cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết ly hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K thì xã chưa hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng bản đã hòa giải mâu thuẫn một lần, hiện tại chị M và anh T không chung sống cùng nhau. Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải nhưng chị M không đến mà không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa anh T và chị M cũng đã kéo dài, giữa anh T và chị M không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, anh T không còn tình cảm yêu thương đối với chị M, không còn hạnh phúc khi chung sống với chị M, chị M không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục hòa giải chứng tỏ chị không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị M đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị M là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phàn Ánh P, sinh ngày 01/12/2020 và Phàn Đức T1, sinh ngày 05/11/2023 cho đến khi các con chung trưởng thành. Xét thấy, các con chung hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương .Vì vậy, Tòa án thấy rằng cần giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phàn Lao T2 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ -HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàn Lao T2 được ly hôn với chị Lý Lở M.

2. Về con chung: Giao con chung Phàn Ánh P, sinh ngày 01/12/2020 và Phàn Đức T1, sinh ngày 05/11/2023 cho anh Phàn Lao T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Lý Lở M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phàn Lao T2 không yêu cầu chị Lý Lở M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Anh Phàn Lao T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Phàn Lao T2.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 - Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lai Châu;
- UBND xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Tuyết Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TOÀ

(Ký, ghĩ rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Dương Thị Tuyết T3